

Số: **1858** /KH-UBND

Hà Nam, ngày **20** tháng 10 năm 2014

## KẾ HOẠCH

**Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014  
theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng  
Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2014 về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Ủy ban nhân tỉnh Hà Nam xây dựng kế hoạch kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 (sau đây gọi tắt: kiểm kê hiện trạng hiện trạng sử dụng đất năm 2014) trên địa bàn tỉnh như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

#### 1. Mục đích:

- Nhằm đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh.

- Làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhất là việc lập, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2016-2020.

- Cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo và các nhu cầu khác.

#### 2. Yêu cầu:

- Việc kiểm kê hiện trạng hiện trạng sử dụng đất năm 2014 được tiến hành trên phạm vi cả tỉnh, ở các cấp hành chính, trong đó cấp xã là đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê. Kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của cấp xã là cơ sở để tổng hợp kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện, cấp tỉnh.

- Xác định được hiện trạng diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính, hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng, quỹ đất chưa sử dụng; tình hình biến động đất đai so với kỳ trước, tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt làm cơ sở để quản lý, sử dụng đất đạt hiệu quả.

- Kết quả kiểm kê đất đai phải phân tích đánh giá đúng tình hình hiện trạng sử dụng quỹ đất được thể hiện trong bảng số liệu và trên bản đồ hiện trạng sử

dụng đất (dạng giấy và dạng số) của từng đơn vị hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã, làm cơ sở cho định hướng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đặc biệt phục vụ cho các công trình khai thác, phát triển tiềm năng đất đai và có kế hoạch khai thác sử dụng hợp pháp, bảo vệ vốn đất dự trữ và bảo vệ môi trường trong những năm tới.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN:**

### **1. Phạm vi kiểm kê đất đai:**

- Kiểm kê đất đai được tiến hành đồng loạt trên phạm vi toàn tỉnh, theo đơn vị hành chính; trong đó xã, phường, thị trấn là đơn vị cơ bản để tiến hành kiểm kê.

- Đối với kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo phương án riêng, do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh chủ trì xây dựng và thực hiện theo chương trình, kế hoạch của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành có liên quan phối hợp thực hiện.

Kết thúc kỳ kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh báo cáo Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đồng thời gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chung về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Riêng đối với kiểm kê chi tiết đất lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo rà soát, kiểm kê từ cấp xã để có sự thống nhất số liệu chung toàn tỉnh.

### **2. Đối tượng và nội dung kiểm kê đất đai:**

2.1. Kiểm kê diện tích đất đai, kiểm kê về đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng được nhà nước giao quản lý đất.

a) Về kiểm kê diện tích đất theo mục đích sử dụng được xác định và thể hiện như sau:

- Diện tích đất theo mục đích sử dụng là diện tích của phần đất có cùng mục đích sử dụng trong phạm vi của đơn vị hành chính.

- Mục đích sử dụng đất có tên gọi và mã (ký hiệu) duy nhất.

- Theo yêu cầu của quản lý, mục đích sử dụng đất được phân chia từ khái quát đến chi tiết, được phân lớp và giải thích cách xác định chi tiết theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất).

- Về diện tích đất trong các biểu kiểm kê đất đai được xác định theo mục đích hiện trạng đang sử dụng. Trường hợp đất đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đã đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tại thời điểm kiểm kê chưa sử dụng đất theo mục đích mới thì kiểm kê theo mục đích sử dụng đất mà Nhà nước đã giao, đã cho thuê, đã cho phép chuyển mục đích sử dụng hoặc đã đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất; đồng thời kiểm kê riêng diện tích đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, đã được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đã đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa sử dụng đất theo mục đích mới đó.

Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích đã được ghi trên hồ sơ địa chính thì ngoài việc kiểm kê theo mục đích sử dụng chính còn được kiểm kê

theo các mục đích phụ (vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp).

- Về số liệu kiểm kê đất đai của cấp xã được thu thập, tổng hợp trực tiếp từ thực địa, có đối chiếu với hồ sơ địa chính, hồ sơ giao đất hoặc cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai và các hồ sơ khác có liên quan trên địa bàn.

- Về số liệu kiểm kê đất đai của cấp huyện, cấp tỉnh tổng hợp từ số liệu kiểm kê đất đai của các đơn vị hành chính trực thuộc.

b) Kiểm kê về đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý đất, cụ thể như sau:

- Đối tượng sử dụng, quản lý đất là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng hoặc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang sử dụng, được Nhà nước giao đất để quản lý. Trong đó:

+ Đối tượng sử dụng đất là đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; bao gồm hộ gia đình, cá nhân; tổ chức (trong nước), cơ sở tôn giáo; tổ chức, cá nhân nước ngoài; cộng đồng dân cư.

+ Đối tượng được giao quản lý đất là tổ chức trong nước, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được Nhà nước giao đất để quản lý; bao gồm tổ chức được giao quản lý đất, cộng đồng dân cư được giao quản lý đất.

c) Ngoài việc kiểm kê diện tích đất và đối tượng sử dụng đất, quản lý đất theo Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2014 cần được thực hiện điều tra, kiểm kê chi tiết một số loại đất theo yêu cầu Chỉ thị số 21/CT-TTg, các nội dung gồm:

- Kiểm kê chi tiết đối với đất trồng lúa, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước, xác định rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị thu hồi chuyển mục đích sử dụng cho các dự án, công trình trong 5 năm qua; diện tích đất lúa đã chuyển mục đích trái pháp luật để đánh giá và đề xuất biện pháp tăng cường quản lý sử dụng đất trồng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các khu kinh tế: xác định diện tích các loại đất thuộc từng khu kinh tế được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để sử dụng cho các mục đích xây dựng các khu phi thuế quan, khu bảo thuế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu hành chính và các khu chức năng khác phù hợp với đặc điểm của từng khu kinh tế; diện tích chưa đưa vào sử dụng.

- Kiểm kê hiện trạng sử dụng đất từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; trong đó: xác định diện tích đất đã được Nhà nước giao, cho thuê; diện tích đất xây dựng hạ tầng; diện tích đã chuyển nhượng, cho thuê sử dụng; tỷ lệ lấp đầy, diện tích chưa đưa vào sử dụng.

- Kiểm kê đất của các tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất không thu tiền chuyển sang thuê đất.

- Thống kê hiện trạng tình hình đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Biện pháp thu thập số liệu, trình tự thực hiện kiểm kê đất đai ở các cấp hành chính đã được quy định cụ thể trong Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập để thể hiện sự phân bố các loại đất tại thời điểm kiểm kê đất đai, được lập theo từng đơn vị hành chính các cấp.

- Tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp được lập theo phương án kinh tế kỹ thuật về kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 được phê duyệt.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được xây dựng theo quy định của Quy phạm, ký hiệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã được lập trên bản đồ địa chính trong quá trình kiểm kê diện tích đất đai là bản đồ hiện trạng sử dụng đất cơ bản.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện được tổng hợp từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh được tổng hợp từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện.

### III. TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Kết quả tổng kiểm kê đất đai năm 2014 để lập thành hồ sơ kiểm tra đất đai từng đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh. Hồ sơ kiểm kê đất đai, bao gồm:

#### 1. Hệ thống biểu kiểm kê đất đai:

S TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Ghi chú
1	Biểu 01/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai	
2	Biểu 02/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất nông nghiệp	
3	Biểu 03/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất phi nông nghiệp	
4	Biểu 04/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo từng đơn vị hành chính	
5	Biểu 05a/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện	
6	Biểu 05b/TKĐĐ	Tổng hợp các trường hợp được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện	
7	Biểu 06a/TKĐĐ	Kiểm kê diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng đất khác với hồ sơ địa chính	
8	Biểu 06b/TKĐĐ	Danh sách các trường hợp đã chuyển mục đích sử dụng đất khác với hồ sơ địa chính	
9	Biểu 07/TKĐĐ	Kiểm kê diện tích đất đai có sử dụng kết hợp vào mục đích khác	
10	Biểu 08/TKĐĐ	Kiểm kê diện tích đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
11	Biểu 09/TKĐĐ	Kiểm kê diện tích đất trong các khu vực tổng hợp	
12	Biểu 10/TKĐĐ	Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích của các loại đất	
13	Biểu 11/TKĐĐ	Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất	

14	Biểu 12/TKĐĐ	Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất	
15	Biểu 13/TKĐĐ	So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch	
16	Biểu 14/TKĐĐ	Thống kê, kiểm kê diện tích đất quốc phòng, đất an ninh	

Các Biểu 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ và 03/TKĐĐ ngoài việc sử dụng để thống kê, kiểm kê toàn bộ diện tích trong phạm vi địa giới hành chính, còn được sử dụng để thống kê, kiểm kê và báo cáo diện tích đất của riêng khu vực tranh chấp địa giới hành chính. Trường hợp có tranh chấp địa giới hành chính thì thực hiện như sau:

- Việc thống kê, kiểm kê đất đai đối với khu vực tranh chấp địa giới hành chính do địa phương đang tạm thời quản lý đất khu vực tranh chấp đó thực hiện; trường hợp không xác định được bên nào đang quản lý khu vực tranh chấp thì các bên cùng thống kê, kiểm kê đối với khu vực tranh chấp.

- Khu vực tranh chấp địa giới hành chính được thống kê, kiểm kê để xác định vị trí, diện tích theo từng loại đất, từng loại đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng được nhà nước giao quản lý đất vào biểu riêng, đồng thời được thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Diện tích khu vực tranh chấp địa giới hành chính không được thống kê, kiểm kê vào tổng diện tích đất của các đơn vị hành chính đang có tranh chấp nhưng phải được tổng hợp vào tổng diện tích đất của đơn vị hành chính cấp trên trực tiếp của các đơn vị hành chính đang có tranh chấp địa giới đó.

Lưu ý: Ngoài các tài liệu, biểu mẫu nêu trên, cần phải lập thêm tài liệu kiểm kê chi tiết theo yêu cầu của Chỉ thị số 21/CT-TTg, cụ thể:

- Đối với cấp xã: Biểu kiểm kê hiện trạng đất trồng lúa (Biểu 01-CT21).

- Đối với cấp huyện: Biểu kiểm kê hiện trạng đất trồng lúa của từng xã, thị trấn và cấp huyện.

- Đối với cấp tỉnh: + Biểu kiểm kê hiện trạng đất trồng lúa cấp huyện và toàn tỉnh.

+ Tờ kê khai tình hình quản lý sử dụng đất của từng công ty nông, lâm trường và Ban quản lý rừng.

+ Biểu kiểm kê tình hình quản lý sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của từng công ty nông, lâm trường và Ban quản lý rừng (Biểu 02a-CT21; 02b-CT21).

+ Biểu kê khai tình hình, hiện trạng sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất (Biểu 03a-CT21; 03b-CT21).

+ Biểu kiểm kê diện tích đất của các tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất không thu tiền chưa chuyển sang thuê đất (Biểu 03-CT21).

## **2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất:**

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp (xã, huyện, tỉnh).

## **3. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai:**

Nội dung Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai bao, gồm:

- Tình hình tổ chức thực hiện; phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu thu thập tại cấp xã và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập và số liệu tổng hợp; các thông tin khác có liên quan đến số liệu; nguồn tài liệu và phương pháp lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê; đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất giữa năm kiểm kê với 02 kỳ kiểm kê gần nhất; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất; tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất; tình hình chuyển mục đích sử dụng đất khác với hồ sơ địa chính; tình hình tranh chấp địa giới hành chính (nếu có);

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất đai.

#### **4. Tài liệu giao nộp:**

Tài liệu giao nộp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định như sau:

a) Đối với cấp xã:

- Bản đồ kết quả điều tra kiểm kê file diện tích tạo vùng \*.POL kết nối cơ sở dữ liệu của bản đồ và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (03 bộ số);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai (02 bộ giấy và 02 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (02 bộ giấy và 02 bộ số khuôn dạng \*.DGN; file diện tích tạo vùng \*.POL và báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai (02 bộ giấy);

b) Đối với cấp huyện:

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất, thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số);

c) Đối với cấp tỉnh:

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp tỉnh (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp tỉnh (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp tỉnh (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất, thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất (01 bộ giấy và 01 bộ số);

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 được sử dụng từ nguồn ngân sách của Trung ương và địa phương.

Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí trong năm 2015 từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của địa phương.

#### **V. Trách nhiệm thực hiện của các cấp, ngành:**

##### **1. Ở tỉnh:**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai của tỉnh và Tổ chuyên viên giúp việc.

- Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai gồm:

+ Trưởng Ban: Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành.  
+ Phó Ban: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường  
+ Ủy viên: Lãnh đạo các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch - Đầu Tư, Nông nghiệp & PTNT, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

- Tổ chuyên viên giúp việc gồm các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Nông nghiệp & PTNT, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Xây dựng.

Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với các Sở, ngành lập danh sách Tổ chuyên viên trình UBND tỉnh quyết định.

b) Trách nhiệm:

- Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai của tỉnh có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, ngành trong tỉnh tổ chức kiểm kê đất đai theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chuyên viên của tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn thực hiện công tác kiểm kê đất đai theo đúng Phương án kiểm kê đất đai của tỉnh và giải quyết các vướng mắc, kiến nghị nếu có.

**2. Các Sở, ngành:**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Là chủ đầu tư và cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai, có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện công tác kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

- Tập huấn nghiệp vụ, cung cấp biểu mẫu cho các huyện, thành phố; kiểm tra công tác kiểm kê đất đai.

- Tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng báo cáo kết quả thực hiện trình UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Kiểm tra, thẩm định số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện, tỉnh.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

- Rà soát, tổng hợp, báo cáo hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng, kê khai phần diện tích còn lại trong khu công nghiệp mà UBND tỉnh chưa giao hoặc cho các tổ chức thuê.

- Cung cấp danh sách, tài liệu liên quan đến sử dụng đất của các tổ chức đang sử dụng đất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

c) Sở Tài chính:

- Thẩm định dự toán và bố trí kinh phí phục vụ công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở ba cấp: tỉnh, huyện, xã.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Tổ chức kiểm kê đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện.

e) Công an tỉnh:

Tổ chức kiểm kê đất an ninh trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện.

f) Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (nhất là diện tích đất trồng lúa, đất trồng rừng).

### **3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê cấp huyện:

Ban Chỉ đạo kiểm kê cấp huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Trưởng ban. Trưởng Phòng TN&MT làm Phó Ban. Các Ủy viên, bao gồm: Lãnh đạo các Phòng: Tài chính, Nông nghiệp & PTNT, ...

Giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện có Tổ chuyên viên giúp việc (có từ 5-7 người) do UBND cấp huyện quyết định.

b) Trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các ngành trong huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai việc kiểm kê đất đai đạt kết quả theo đúng kế hoạch của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra số liệu kiểm kê đất đai cấp xã.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện, phối hợp.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ đạo cán bộ địa chính cấp xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai năm 2014 trên địa bàn.

### **4. Ủy ban nhân dân cấp xã:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc phối hợp thực hiện kiểm kê đất đai, trên địa phương mình. Mỗi xã, phường, thị trấn thành lập một Tổ chuyên môn (từ 3-5 người) để phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện kiểm kê.

- Tổng hợp số liệu; báo cáo kết quả kiểm kê đất đai.

- Đề xuất biện pháp xử lý tồn tại, vướng mắc lên Ban Chỉ đạo cấp huyện.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Công tác chuẩn bị:**

- Từ ngày 01/8/2014 đến 20/10/2014: Xây dựng kế hoạch triển khai và phương án kinh tế - kỹ thuật kiểm kê đất đai xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Ban hành kế hoạch, phê duyệt phương án kinh tế - kỹ thuật. Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tập huấn cho các huyện, thành phố và các xã phường, thị trấn.

- Từ 20/10/2014 đến 30/11/2014: Chuẩn bị các biểu mẫu kiểm kê và bản đồ nền của các huyện, thành phố và các xã phường, thị trấn.

- Từ 01/12/2014 đến 30/12/2014: Cung cấp các biểu mẫu kiểm kê, bản đồ nền cho các xã, phường, thị trấn.



## 2. Tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất:

- Từ 01 tháng 01 năm 2015: Tổ chức kiểm kê đất đai tại tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Các xã, phường, thị trấn hoàn chỉnh số liệu, lập hồ sơ kiểm kê báo cáo huyện, thành phố trước ngày 15 tháng 5 năm 2015.

Sở Tài nguyên và Môi trường cử cán bộ giúp các xã, phường, thị trấn tổ chức điều tra thực địa, khoanh vẽ và chỉnh lý bổ sung các thông tin trên bản đồ các khoanh đất biến động, biên tập lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

- Các huyện, thành phố tiến hành tổng hợp, phân tích số liệu các xã, phường, thị trấn; lập hồ sơ kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, báo cáo tỉnh trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

- Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra số liệu cấp huyện; lập hồ sơ kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp theo quy định, trình UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai cấp tỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên phụ trách các huyện, thành phố; Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai cấp huyện phân công nhiệm vụ các thành viên phụ trách các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, để chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch này, đồng thời xử lý các tồn tại, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 trên địa bàn theo Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; định ký báo cáo tiến độ thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp chung.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để chỉ đạo giải quyết. /

### Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TN&MT, TC, KH&ĐT, XD, NN&PTNT, BQLCKCN tỉnh, Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP(4), NC(S,H), Các CV, QTTV, KTTH;
- Lưu: VT, TN&MT.

ML.D/10-2014/DD/KH/03.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**